

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2019/HS-PT

Ngày: 23-7-2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Hồng Hải

Các thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Bích Đào

Bà Trương Thị Lệ Thu

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Nữ Ngọc Diệp – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh: Ông Lê Quang Phiệt.

Ngày 23 tháng 7 năm 2019, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 71/2019/HSPT ngày 04-6-2019.

Do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn Q, Trương Xuân T

Đối với bản án HSST số 13/2019/HSST ngày 25-4-2019 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.

*** Bị cáo kháng cáo:**

1. Họ và tên: Nguyễn Văn Q; giới tính: nam; sinh ngày: 01-02-1994; nơi sinh và nơi cư trú: Tổ dân phố 1, phường S, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh; trình độ văn hóa: 6/12; nghề nghiệp: lái xe; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1970 và con bà Nguyễn Thị L; vợ: Trần Thị Huyền T, sinh năm: 1992, con: có 01 con, sinh năm: 2012; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo đang chấp hành án tại Trại giam Xuân Hà theo Bản án HSST số 36/2018/HSST ngày 04-10-2018 của Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt.

* *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Q:* ông Lê H và ông Nguyễn Đình G, Luật sư Văn phòng Luật sư Lê H thuộc Đoàn luật sư tỉnh Hà Tĩnh, địa chỉ: Số 363, đường Nguyễn D, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh, có mặt.

2. Họ và tên: Trương Xuân T; giới tính: nam; sinh ngày: 10-10-1991; nơi sinh và nơi cư trú: Thôn L, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trương Công V, sinh năm: 1961 và con bà Võ Thị H, sinh năm: 1961; vợ: Phạm Thị L, sinh năm: 1989; con: có 01 con sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: không. Nhân thân: TAND huyện Đăkô, tỉnh Kontum xử phạt 10 tháng tù về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” tại bản án số 07/2014/HSST ngày 27-3-2014, đã được xóa án tích. Bị cáo đang chấp

hành án tại Trại giam Xuân Hà theo bản án HSST số 36/2018/HSST ngày 04-10-2018 của Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt.

* **Bị hại:** Anh Kim Văn Q, sinh năm: 1987; địa chỉ: Xóm B, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An, vắng mặt.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Chị Hoàng Thị L, sinh năm: 1981, địa chỉ: Thôn L, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh, có mặt;

- Anh Nguyễn Văn S, sinh năm: 1965, địa chỉ: Thôn T, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Bản án hình sự sơ thẩm, các bị cáo: Nguyễn Văn Q, Trương Xuân T bị Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hà Tĩnh xét xử về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 13-5-2018, do cần tiền để chuộc lại điện thoại ở quán ăn đã cầm cố trước đó, Nguyễn Văn Q đã bàn với Trương Xuân T chặn xe để lấy tiền. Sau khi bàn bạc, thống nhất, Q điều khiển xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại SIRIUS, màu đỏ - đen, BKS 38K2-4320 mượn của chị Hoàng Thùy L chở T ngồi sau, chạy trên đường Quốc lộ 12 theo hướng đi lên đường tránh 1B. Sau đó, Q rẽ vào Ga ra ô tô Trúc H của anh Nguyễn Văn S, trú tại: xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh lấy 01 con dao tự chế dài khoảng 40cm, cán bằng gỗ màu nâu, phần lưỡi dao làm bằng tôn cứng dài khoảng 30cm, phần mũi dao hơi nhọn, sống và lưỡi dao bằng, không sắc, dùng cạo tóc ghỉ. Sau đó, Q điều khiển xe đi lên xã K, đến gần vòng xuyến giao giữa Quốc lộ 12C và đường tránh 1B. Khi cách vòng xuyến 100m, Q thấy xe ô tô tải BKS 51C-65230, màu trắng do anh Kim Văn Q, sinh năm: 1987, trú tại xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An điều khiển, trên xe còn có anh Trương Văn T, sinh năm 1986, trú tại xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An, ngồi bên ghế phụ, đi trên Quốc lộ 1B theo hướng Bắc vào Nam. Q điều khiển xe chạy lên phía trước đầu xe tải, lạng lách, ép xe buộc anh Q dừng xe. Q cầm dao tự chế đến chỗ cửa xe bên lái, giật cửa nhưng không được và xin anh Q 200.000 đồng. Anh Q ra hiệu chỉ có 100.000 đồng và mở hé cửa chắn gió bên lái đưa tiền ra ngoài cho Q. Q đưa dao và tiền cho T. T ra hiệu cho xe ô tô tải chạy đi. Q điều khiển xe chở T về quán S lượn để trả tiền và lấy lại điện thoại. Con dao T đã ném xuống bên lề đường gần gara ô tô Trúc Huệ. Sau khi bị lấy tiền, anh Q đã báo cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K tiến hành điều tra bắt giữ.

Với hành vi phạm tội nêu trên, tại bản án HSST số 13/2019/HS-ST ngày 25-4-2019 của TAND huyện K đã căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, 56, 58; điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm b khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 331; khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn Q và Trương Xuân T phạm tội “Cướp tài sản”.

Xử phạt Nguyễn Văn Q 07 năm 06 tháng tù, tổng hợp hình phạt 07 năm 06 tháng tù của bản án số 36 ngày 04-10-2018 của TAND thị xã K về tội “Cướp tài sản”, bị cáo phải chấp hành hình phạt hai bản án là 15 năm tù.

Xử phạt Trương Xuân T 07 năm tù, tổng hợp hình phạt 07 năm tù của bản án số 36 ngày 04-10-2018 của TAND thị xã K về tội “Cướp tài sản”, bị cáo phải chấp hành hình phạt hai bản án là 14 năm tù.

Án còn tuyên về biện pháp tư pháp, án phí, quyền kháng cáo theo quy định.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo, cho rằng các bị cáo không phạm tội cướp tài sản mà chỉ phạm tội cưỡng đoạt tài sản, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Q cho rằng: Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn Q và Trương Xuân T có dấu hiệu của tội cưỡng đoạt tài sản là thuyết phục hơn so với tội cướp tài sản bởi vì các bị cáo mới chỉ dùng dao đe dọa chứ chưa dùng vũ lực ngay tức khắc, các bị cáo vẫn có thể lựa chọn cách xử sự hợp lý tức là chưa bị tê liệt ý chí trước hành vi đe dọa dùng vũ lực của các bị cáo. Mức hình phạt như phán quyết của Tòa án cấp sơ thẩm là quá cao trong khi số tiền các bị cáo chiếm đoạt chỉ 100 nghìn đồng. Nếu tổng hợp hình phạt cùng vụ án trước đó của Tòa án nhân dân thị xã K thì tài sản các bị cáo chiếm đoạt là 200 nghìn đồng nhưng mức hình phạt của 2 bản án là 15 năm tù là quá nặng, tương đương mức hình phạt của 01 vụ án giết người, xảy ra hậu quả chết người. Đề nghị HĐXX áp dụng điểm h khoản 1 Điều 51 BLHS cho hai bị cáo. Vì vậy, đề nghị giảm nhẹ hình phạt và tội danh cho hai bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi phân tích, đánh giá các tình tiết của vụ án, luận cứ bào chữa của Luật sư đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, khoản 2 Điều 356 của BLTTHS, không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn Q, Trương Xuân T, giữ nguyên bản án Hình sự sơ thẩm của TAND huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Nguyễn Văn Q, Trương Xuân T hoàn toàn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với thời gian, địa điểm phạm tội cũng như hoàn toàn phù hợp với lời khai của nhân chứng. Sau khi xét xử sơ thẩm, bản án của Tòa án nhân dân huyện K không bị kháng nghị, các bị cáo kháng cáo xin thay đổi tội danh và giảm nhẹ hình phạt. Do đó, cấp phúc thẩm sẽ xem xét, đánh giá khách quan toàn bộ diễn biến hành vi phạm tội của các bị cáo để lên một mức án phù hợp với tội danh, tính chất, mức độ hành vi các bị cáo đã thực hiện.

[2]. Xét nội dung kháng cáo của các bị cáo:

Bị cáo Nguyễn Văn Q và Trương Xuân T đã bàn bạc với nhau về việc chặn xe của người đi đường để xin tiền. Khi thấy xe ô tô tải BKS 51C-65230, màu trắng do anh Kim Văn Q điều khiển đi trên Quốc lộ 1B theo hướng Bắc vào Nam, các bị cáo sử dụng dao tự chế, chặn đầu xe, ép buộc lái xe phải dừng xe đưa tiền. Về mặt chủ quan, các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý, mục đích là chiếm đoạt tiền của người khác để về chuộc lại điện thoại, sử dụng cho mục đích cá nhân. Về hành vi khách quan, trong không gian đêm khuya, đường vắng, các phương tiện tham gia giao thông hạn chế, việc các bị cáo dùng dao đe dọa và chặn đầu xe, dụ người lên phía cửa lái yêu cầu lái xe đưa tiền đã làm người bị hại ngay lập tức bị không chế về tinh thần; bị hại không thể tiến cũng như lùi xe mà phải chấp nhận thực hiện theo yêu cầu của Q và T. Đó là hành vi đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc và người bị hại lâm vào tình thế bị uy hiếp về mặt tinh thần, không có sự lựa chọn nào khác là phải đưa tiền cho bị cáo để bảo vệ tính mạng và tài sản của mình. Hành vi đó đã cấu thành tội cướp tài sản như phán quyết của Tòa án cấp sơ thẩm là đúng tội danh. Bị cáo và Luật sư bào chữa cho rằng hành vi của Nguyễn Văn Q và Trương Xuân T chỉ phạm vào tội “cưỡng đoạt tài sản” là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 BLHS “gây thiệt hại không lớn” cho các bị cáo. Tuy nhiên, đối với tội danh “Cướp tài sản”, cần phải xác định ngoài thiệt hại về vật chất còn phải tính đến thiệt hại về tinh thần do hành vi phạm tội của bị cáo tác động đến bị hại. Do đó, hành vi của bị cáo Q và T không được áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 BLHS như đề nghị của Luật sư. Vấn đề này là hoàn toàn phù hợp với thực tiễn xét xử đối với loại tội phạm có tính chất nghiêm trọng như tội cướp tài sản đồng thời cũng thể hiện chế tài xử lý nghiêm khắc từ đó nâng cao biện pháp phòng ngừa đối với loại tội phạm này. Tuy nhiên, các bị cáo ra đầu thú nhưng cấp sơ thẩm không áp dụng khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là có thiếu sót nên cấp phúc thẩm thấy rằng cần áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo Q và T.

Hành vi của các bị cáo rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây tâm lý lo lắng, bất an trong quần chúng nhân dân, làm mất trật tự trị an trên địa bàn. Do đó, một mức án nghiêm khắc là cần thiết để nâng cao tính giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

Các bị cáo bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử tại điểm d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự do sử dụng dao tự chế để uy hiếp tinh thần của bị hại có khung hình phạt từ 7 đến 15 năm tù. Cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Q 7 năm 6 tháng tù, bị cáo T 7 năm tù là đã xem xét đến động cơ, mục đích phạm tội cũng như giá trị tài sản chiếm đoạt của bị cáo để lên mức án thấp nhất của khung hình phạt. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của hai bị cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm là phù hợp nên kháng cáo của các bị cáo và đề nghị của Luật sư xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo không có cơ sở nên cấp phúc thẩm không chấp nhận.

Các bị cáo kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự. Không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn Q, Trương Xuân T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 13/2019/HS-ST ngày 25-4-2019 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.

2. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, 56, 58; điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm b khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn Q và Trương Xuân T phạm tội **“Cướp tài sản”**.

Xử phạt **Nguyễn Văn Q – 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù**, tổng hợp hình phạt 07 năm 06 tháng tù của bản án số 36/2018/HS-ST ngày 04-10-2018 của TAND thị xã K về tội “Cướp tài sản”, bị cáo phải chấp hành hình phạt hai bản án là 15 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam (ngày 24-5-2018).

Xử phạt **Trương Xuân T - 07 (bảy) năm tù**, tổng hợp hình phạt 07 năm tù của bản án số 36/2018/HS-ST ngày 04-10-2018 của TAND thị xã K về tội “Cướp tài sản”, bị cáo phải chấp hành hình phạt hai bản án là 14 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam (ngày 24-5-2018).

3. Về án phí phúc thẩm: Áp dụng Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 2 Điều 21, điểm a khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Buộc các bị cáo Nguyễn Văn Q, Trương Xuân T mỗi người phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Tĩnh;
- PV-27 Công an tỉnh Hà Tĩnh;
- TA, CA, VKS, THA.DS huyện K;
- Các bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QL&NLLQ;
- Lưu HSVA.

T. M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Hồng Hải